

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 26/01/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bình Quyền

Ông Nguyễn Hoàng Đại

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với:

Bị cáo **Trịnh Văn T**, sinh ngày 28/9/1987 tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn P và bà Đỗ Thị H; có vợ: Phạm Thị T và có 02 con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 19/04/2023 bị Công an xã H, huyện H quyết định xử phạt hành chính với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác; nhân thân: Ngày 10/12/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 29/9/2006 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 08/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội “Đánh bạc”; ngày 01/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”; ngày 01/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 15/01/2022 bị UBND xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2023. Có mặt.

Bị hại: Chị Lê Thị G, sinh năm 1990. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Phố P, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16^h ngày 04/9/2023, Trịnh Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150 i, màu đỏ, BKS 29P1-651.56 đến đoạn đường thuộc thôn ..., xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thì thấy phía trước có chị Lê Thị G đang điều khiển xe máy điện, phát hiện ở túi quần phải đằng sau của chị G để 01 chiếc điện thoại nên T nảy sinh ý định cướp giật tài sản. T điều khiển xe mô tô vượt lên và áp sát phía bên trái chiếc xe của chị G rồi dùng tay phải đưa sang giật chiếc điện thoại của chị G; sau khi lấy được chiếc điện thoại trên thì trên đường đi T bật điện thoại màn hình không sáng, tưởng điện thoại đã bị hỏng nên đã vứt chiếc điện thoại ở đầu đoạn đường nơi giao nhau giữa Quốc lộ 1A với tuyến đường mới về xã H, huyện H thuộc thôn T, xã H, huyện H. Đến 17^h30' ngày 08/9/2023, Trịnh Văn T đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đầu thú và giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150 i, màu đỏ, BKS 29P1-651.56 có số khung ZDCKF08A08F205150, số máy KF08E*0128263*KTGE1.

Theo báo cáo của chị Lê Thị G chiếc điện thoại bị Trịnh Văn T cướp giật là điện thoại nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, có ốp vỏ nhựa lắp sim số 0349947190.

Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện H kết luận giá trị chiếc điện thoại trên là 3.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Hoằng Hóa kết luận giá trị 01 ốp nhựa điện thoại của điện thoại OPPO A57 là 0 đồng.

Về vật chứng:

- 01 điện thoại OPPO A57 màu đen, có ốp vỏ nhựa của chị Lê Thị G đã bị Trịnh Văn T cướp giật, bị cáo khai vứt chiếc điện thoại ở đầu đoạn đường nơi giao nhau giữa Quốc lộ 1A với tuyến đường mới về xã H, huyện H thuộc thôn T, xã H, huyện H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SH 150i màu đỏ, biển kiểm soát 29P1-651.56, số máy KF08E0128263KTGE1, số khung ZDCKF08A08F205150, bị cáo Trịnh Văn T khai mua của một người không rõ tên tuổi địa chỉ qua mạng xã hội. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là vật chứng của vụ án trộm cắp tài sản xảy ra ngày 11/6/2023 tại phường X, quận B, thành phố Hà Nội theo Quyết định truy tìm vật chứng số 132/QĐ-TT ngày 02/8/2023 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã chuyển chiếc xe trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B để điều tra, xử lý theo quy định.

- 01 phong bì niêm phong do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Trần Nam G, Hoàng Nhật T và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa bên trong chứa 03 đĩa DVD-R màu vàng ghi lại hình ảnh của Trịnh Văn T điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH 150i màu đỏ, biển kiểm soát 29P1-651.56 đi trên đường sau khi phạm tội được lưu trong hồ sơ vụ án phục vụ việc xét xử.

Cáo trạng số 21/CT-VKSHH ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên, sau khi đánh giá tính chất

vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản” và áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 45 tháng tù đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2023; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận gì và lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Khoảng 16^h ngày 04/9/2023, tại thôn .., xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Trịnh Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150 i, BKS 29P1-651.56 dùng tay cướp giật chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A57 màu đen của chị Lê Thị G. Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGHS ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Hoàng Hóa kết luận giá trị chiếc điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt là 3.000.000 đồng.

Hành vi dùng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm để giật, chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo Trịnh Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Cướp giật tài sản” tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã sử dụng xe mô tô thực hiện cướp giật tài sản, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ, gây bức xúc, lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo không những gây nguy hiểm cho xã hội mà còn gây nguy hiểm đến tính mạng sức khỏe của người khác. Do đó cần phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội đã đầu thú nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về nhân thân: Bị cáo đã bị xét xử 05 lần về tội “Trộm cắp tài sản”, “Cướp tài sản” và “Đánh bạc” mặc dù đã được xóa án tích và các ngày: 15/01/2022 bị UBND xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính và 19/04/2023 bị Công an xã H xử phạt vi phạm hành chính, điều đó cho thấy bị cáo không biết sửa đổi, khắc phục hành vi sai trái, vi phạm pháp luật của mình để làm người lương thiện, sống có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bị cáo xem thường pháp luật; do đó khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét về nhân thân của bị cáo và áp dụng một hình phạt nghiêm trọng xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[8] Về bồi thường dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã bồi thường toàn bộ cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[9] Vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu SH 150i màu đỏ; biển kiểm soát 29P1-651.56, số máy KF08E0128263KTGE1, số khung ZDCKF08A08F205150 là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản xảy ra ngày 11/6/2023 tại phường X, quận B, thành phố Hà Nội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Hóa đã chuyển chiếc xe trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B để điều tra, xử lý theo quy định.

[10] Án phí: Bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T **03 (Ba)** năm **09 (Chín)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2023.

Án phí: Buộc bị cáo Trịnh Văn T chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoằng Hóa;
- Cơ quan THAHS huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Nga Sơn;
- UBND xã H, huyện H;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga